

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHƯỚC LONG  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/DS-ST

Ngày: 30/5/2022

*V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lư Trường Lâm**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông **Trần Văn Phước**

Ông **Đinh Công Luận**

*Thư ký phiên tòa:* Ông **Ngô Văn Trường** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc *tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2022/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 4 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Mỹ T**, sinh năm 1988 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông **Bùi Văn K**, sinh năm 1971 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Mỹ T trình bày:**

Ông Bùi Văn K cần tiền để tổ chức hôn lễ cho con gái nên có hỏi chị T mượn số tiền 50.000.000đ; do chỗ bà con nên chị T đã đồng ý cho mượn. Ngày 25/12/2015, ông K và chị T xác lập văn bản có tiêu đề “Thỏa thuận cho vay tiền mặt” đề ngày 25/12/2015, nội dung chị T cho ông K vay 50.000.000đ, không có tính lãi suất; ông K có ký tên và điểm chỉ vào giấy vay tiền. Chị T đã đưa đủ tiền cho ông K, ông K có hứa sau khi tổ chức đám cưới cho con gái xong thì trong khoảng thời gian 01 tháng sau sẽ trả đủ tiền cho chị T; thỏa thuận bằng lời nói, không có ghi vào giấy vay tiền. Để tạo niềm tin vay tiền, ông K có đưa cho chị T giữ bản gốc giấy

chứng minh nhân dân và thẻ ATM của ông K. Đến thời hạn trả, chị T yêu cầu trả tiền nhưng ông K nói chưa có tiền và hẹn sẽ trả sau. Chị T đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông K không trả; gần tết năm 2022 ông K có nói với chị T là chị rút đơn khởi kiện thì ông K sẽ trả, nhưng không nói rõ là trả vào ngày nào nên chị T không đồng ý.

Chị T xác định cho cá nhân ông K vay nên chỉ yêu cầu ông K có nghĩa vụ trả lại cho chị số tiền gốc 50.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết thêm vấn đề nào khác.

**Bị đơn ông Bùi Văn K** đã được Tòa án cấp, tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông K không đến Tòa án và không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến của mình, cũng như không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của chị T. Tòa án lập biên bản không hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là phù hợp quy định pháp luật.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt tại phiên họp và phiên tòa là chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, chị T đã yêu cầu trưng cầu giám định 02 dấu vân tay của ông K tại “Thỏa thuận cho vay tiền mặt” đề ngày 25/12/2015 so với dấu vân tay trên giấy chứng minh nhân dân của ông K. Căn cứ vào Kết luận giám định, có cơ sở để chứng minh ông K có điểm chỉ vân tay ngón trỏ phải vào bản thỏa thuận cho vay tiền mặt đề ngày 25/12/2015, nội dung thể hiện vay của chị T số tiền 50.000.000đ. Vì vậy, chị T yêu cầu ông K trả nợ là có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc ông K có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền 50.000.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chị T có tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông K; bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu; căn cứ vào Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Chị T xác định cho ông K vay số tiền 50.000.000đ và ông K có ký tên và điểm chỉ vân tay vào “Thỏa thuận cho vay tiền mặt” đề ngày 25/12/2015. Sau khi

thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho ông K nhưng ông K không đến Tòa án và không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến của mình, cũng như không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của chị T. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chị T cung cấp bản gốc giấy chứng minh nhân dân của ông K và bản thỏa thuận cho vay tiền mặt đề ngày 25/12/2015, bên vay thể hiện có chữ ký, chữ viết họ tên Bùi Văn K và hai dấu vân tay của ông K.

[4] Chị T yêu cầu trưng cầu giám định 02 dấu vân tay của ông K trong thỏa thuận cho vay tiền mặt đề ngày 25/12/2015. Tại Kết luận giám định số 27/KL-2022 ngày 13/4/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận:

*“1. Điểm chỉ vân tay bên phải in dưới mục “BÊN VAY” trên “THỎA THUẬN CHO VAY TIỀN MẶT”, đề ngày 25/12/2015 kí hiệu A so với điểm chỉ vân tay in dưới mục “NGÓN TRỎ PHẢI” trên giấy chứng minh nhân dân số 385292993, Họ tên: Bùi Văn K, sinh năm 1971, đề ngày 17/4/2002 kí hiệu M là do cùng một ngón tay in ra.*

*2. Điểm chỉ vân tay bên trái in dưới mục “BÊN VAY” trên “THỎA THUẬN CHO VAY TIỀN MẶT”, đề ngày 25/12/2015 kí hiệu A không tìm thấy trong điểm chỉ vân tay trên giấy chứng minh nhân dân số 385292993, Họ tên: Bùi Văn K, sinh năm 1971, đề ngày 17/4/2002 kí hiệu M”. (BL 56-57)*

[5] Căn cứ vào Kết luận giám định, có cơ sở để chứng minh ông K có điểm chỉ vân tay ngón trở phải vào bản “Thỏa thuận cho vay tiền mặt” đề ngày 25/12/2015, nội dung thể hiện vay của chị T số tiền 50.000.000đ. Vì vậy, chị T yêu cầu ông K trả nợ là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc ông K có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền 50.000.000đ.

[6] Khi khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu ông K trả số tiền gốc, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự khi yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về chi phí giám định là 6.053.000đ: buộc ông K chịu. Chị T đã dự nộp tạm ứng 6.053.000đ được chuyển thu tiền chi phí giám định. Buộc ông K nộp 6.053.000đ để hoàn trả cho chị T tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long.

[9] Về án phí:

Ông K phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 2.500.000đ. Chị T không phải chịu án phí, hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí 1.250.000đ tại lai thu số 0004917 ngày 10/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long.

*Vì các lẽ trên:*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ khoản 2 Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Mỹ T về việc kiện đòi ông Bùi Văn K trả số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Buộc ông Bùi Văn K trả cho chị Lê Mỹ T số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

2/ Về chi phí giám định: Buộc ông K nộp 6.053.000đ để hoàn trả cho chị T tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long.

3/ Về án phí: Ông K phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 2.500.000đ. Hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí 1.250.000đ tại lai thu số 0004917 ngày 10/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

*Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

4/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

**Lư Trường Lâm**